TẠP CHÍ ĐIỆN TỬ
THƯƠNG HIỆU & CÔNG LUẬN

Khoảng trống pháp lý về khai thác tài sản trí tuệ trong bối cảnh thực hiện Nghị quyết 68-NQ/TW

06:28 22/09/2025

Nghị quyết số 68-NQ/TW do Bộ Chính trị ban hành ngày 4/5/2025 đã xác định, phát triển kinh tế tư nhân là một động lực trọng yếu, nhấn mạnh việc tháo gỡ rào cản, hoàn thiện thể chế và tạo môi trường thuận lợi để khu vực kinh tế này bứt phá.

Bên cạnh quan điểm chỉ đạo khuyến khích tinh thần kinh doanh, đổi mới sáng tạo của người dân, doanh nghiệp, Nghị quyết 68 còn yêu cầu kịp thời xây dựng, hoàn thiện pháp luật và cơ chế, chính sách đột phá để khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển trong ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp sáng tạo, chuyển đổi số và làm giàu hợp pháp, chính đáng.

Thực tế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số đã được quan tâm trong nhiều năm trở lại đây từ trước khi Nghị quyết 68 có hiệu lực, song, việc khai thác tài chính tài sản trí tuệ (TSTT) - thành quả của quá trình đổi mới sáng tạo lại chưa được quan tâm đúng mức. Điểm mấu chốt trong quản lý sở hữu trí tuệ (SHTT) là chuyển dịch trọng tâm từ xác lập quyền đến bảo vệ quyền sang tài sản hóa, thương mại hóa và thị trường hóa các tài sản này.

Để chuyển đổi này trở thành hiện thực, điều kiện tiên quyết là cần xây dựng thị trường, công nhận giá trị của TSTT, đồng thời cho phép giao dịch, thương mại hóa và sử dụng TSTT như một công cụ tài chính. Do đó, sự xuất hiện của Nghị Quyết 68 đóng vai trò như kim chỉ nam giúp tháo gỡ những vướng mắc về thể chế, hoàn thiện khung pháp lý cho hoạt động khai thác tài chính TSTT, từ đó mở ra cơ hội biến tri thức (tài sản vô hình) thành tài sản hữu hình, bảo vệ quyền lợi cho các chủ sở hữu và thúc đẩy mạnh mẽ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp cũng như ứng dụng khoa học công nghệ vào phát triển kinh tế tư nhân tại Việt Nam.



Phát triển kinh tế tư nhân là một động lực trọng yếu. (Ảnh minh họa: nguồn internet)

Tài sản trí tuệ và khai thác tài chính tài sản trí tuệ

Tài sản trí tuệ

Tại Việt Nam, TSTT không được quy định riêng trong Luật SHTT hiện hành mà được gắn với quy định về quyền SHTT, theo đó Quyền SHTT là quyền của tổ chức, cá nhân đối với TSTT, bao gồm quyền tác giả vàquyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng.

Trong khi đó, Thông tư về việc định giá kết quả nghiên cứu khoa hoc và phát triển công nghệ, TSTT sử dụng ngân sách nhà nước có quy định, TSTT là tài sản vô hình, có tính sáng tạo, xác định được, kiểm soát được và có khả năng mang lại lợi ích kinh tế cho chủ sở hữu tài sản đó. TSTT bao gồm đối tượng được bảo hộ và đối tượng không được bảo hộ theo quy định của pháp luật SHTT như sáng chế, bí mật kinh doanh, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, tên thương mại, giống cây trồng, chương trình máy tính, tác phẩm khoa học, sáng kiến, giống vật nuôi, thiết kế kỹ thuật.

Dựa trên các căn cứ nêu trên, có thể thấy rằng, tại Việt Nam hiện nay, TSTT chưa được quy định một cách cụ thể trong Luật SHTT hiện hành và cũng chưa thật rõ ràng và thống nhất để áp dụng cho mọi đối tượng SHTT và chủ sở hữu các đối tượng này. Tuy nhiên, dựa trên những quy định đã có, có thể hiểu theo quy định hiện hành, TSTT được coi là tài sản có khả năng mang lại lợi ích kinh tế cho chủ sở hữu và luôn gắn với quyền tài sản của chủ sở hữu đối với các đối

tượng đang được quy định trong Luật SHTT hiện hành, cụ thể là quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp (sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, bí mật kinh doanh, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn) và quyền đối với giống cây trồng.

Khai thác tài chính TSTT

Vậy, khai thác tài chính TSTT có thể được hiểu là khai thác nguồn lực tài chính có thể mong đợi từ việc khai thác TSTT. Ở Việt Nam hiện nay, khái niệm này chưa thực sự được định danh rõ ràng, song trên thực tế, các hình thức khai thác đã xuất hiện rải rác trong nhiều quy định pháp luật khác nhau như cấp li-xăng, chuyển nhượng, nhượng quyền thương mại, mua bán & sáp nhập, góp vốn hay bồi thường thiệt hại khi xử lý vi phạm quyền SHTT...

Việc khai thác tài chính TSTT, trong thực tiễn, chủ yếu phát sinh từ hoạt động kinh doanh của chủ sở hữu hoặc thông qua các quan hệ giao dịch dân sự - thương mại. Có thể thấy, TSTT hoặc quyền TSTT ở nước ta hiện nay mới chỉ dừng lại ở vai trò tạo nguồn thu khi được đem vào hoạt động sản xuất kinh doanh, chưa có khung cơ chế cho phép các tài sản này được công nhận là tài sản dùng để huy động nguồn lực tài chính theo các phương thức như ghi nhận vào sổ sách kế toán như một loại tài sản đã được định giá, dùng để huy động vốn trên thị trường chứng khoán hoặc làm tài sản thế chấp...

Thực tế cho thấy, ngoài các hình thức khai thác truyền thống, trên thế giới hiện nay đã xuất hiện những phương thức khai thác tài chính TSTT mang tính kinh tế khác, tiêu biểu như: dùng TSTT làm tài sản bảo đảm vay vốn, chứng khoán hóa và mô hình bán - cho thuê lại.

Với hình thức thế chấp, TSTT có thể được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho các khoản vay. Khi đó, doanh thu từ việc khai thác TSTT (chẳng hạn như phí chuyển giao quyền sử dụng, tiền bản quyền...) sẽ giúp chủ sở hữu dùng chính TSTT để thế chấp cho tổ chức tín dụng. Nếu người vay không trả được nợ, bên cho vay có quyền thu giữ TSTT hoặc một phần giá trị của tài sản này để thu hồi vốn, qua đó góp phần giảm chi phí vay cho chủ sở hữu.

Ở phương thức chứng khoán hóa, TSTT trở thành tài sản nền tảng để phát hành chứng khoán trên thị trường vốn, còn chủ sở hữu vẫn có thể ký hợp đồng chuyển giao hoặc cho phép sử dụng TSTT với các bên thứ ba. Thông thường, quyền đối với doanh thu từ TSTT sẽ được chuyển giao cho một pháp nhân chuyên biệt (SPV). Nhờ đó, rủi ro tài chính đối với chủ thể phát hành chứng khoán được tách biệt khỏi chủ sở hữu ban đầu, làm tăng khả năng được xếp

hạng tín nhiệm tốt và tiếp cận vốn dễ dàng hơn.

Đối với mô hình bán và cho thuê lại, chủ sở hữu sẽ bán TSTT để nhận trước một khoản tiền, đồng thời ký thỏa thuận cho phép tiếp tục sử dụng hoặc khai thác thương mại tài sản này. Nhờ đó, chủ sở hữu vừa có thể bổ sung nguồn vốn ngắn hạn, vừa không mất đi quyền khai thác giá trị kinh tế từ TSTT.

Sự tương thích giữa TSTT và khai thác TSTT hiện hành với Nghị Quyết 68

Nghị Quyết 68 đã nêu rõ nhiệm vụ và giải pháp liên quan đến TSTT:

Hoàn thiện khung pháp lý: Xóa bỏ rào cản, tạo môi trường kinh doanh minh bạch, ổn định và dễ tuân thủ. Rà soát, hoàn thiện và thực thi hiệu quả quy định pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu tài sản, trong đó có quyền SHTT và tài sản vô hình.

Số hóa quy trình: Áp dụng công nghệ, AI và dữ liệu lớn để tự động hóa các thủ tục hành chính về SHTT, giảm thời gian và chi phí ít nhất là 30%.

Bảo vệ quyền SHTT: Tăng cường thực thi pháp luật, có chế tài nghiêm khắc đối với vi phạm, đặc biệt là trên môi trường thương mại điện tử. Hỗ trợ doanh nghiệp trong nước đăng ký bảo hộ TSTT, đồng thời khuyến khích đăng ký ở nước ngoài.

Hỗ trợ doanh nghiệp: Giúp các doanh nghiệp nâng cao năng lực quản trị, xây dựng hệ thống tài chính minh bạch để dễ dàng tiếp cận nguồn vốn và các nguồn lực tài chính.

Đổi mới tín dụng: Khuyến khích các tổ chức tài chính cho vay dựa trên phương án kinh doanh, dữ liệu, và xem xét các tài sản bảo đảm bao gồm cả tài sản vô hình và tài sản hình thành trong tương lai.

Tức là, theo tinh thần mục tiêu của Nghị Quyết 68, TSTT - vốn vẫn được định nghĩa là tài sản vô hình được khuyến khích nên coi là một loại tài sản có thể được dùng để khai thác tài chính một cách rộng hơn, bắt đầu từ việc rà soát, hoàn thiện và thực thi hiệu quả quy định pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu tài sản này, đồng thời, thực hiện các giải pháp tăng uy tín và khả năng tiếp cận các nguồn lực tài chính đối với các loại tài sản này.

Trên thực tế, tại Việt Nam, hệ thống pháp lý vẫn còn nhiều hạn chế khiến việc thực thi các mục tiêu của Nghị Quyết 68 gặp khó khăn, cụ thể là:

Chưa có các quy định chi tiết về TSTT cũng như các hình thức khai thác tài chính TSTT để áp dụng đồng bộ cho tất cả các loại đối tượng SHTT;

Khung pháp lý hiện hành chưa đủ hoàn chỉnh để TSTT thực sự được công nhận và sử dụng như một loại tài sản có thể được khai thác tài chính;

Một trong những yêu cầu then chốt, đúng theo tinh thần của Nghị Quyết 68, là phải xây dựng được công cụ và bộ tiêu chí định giá TSTT tiêu chuẩn hóa, giúp doanh nghiệp sử dụng TSTT để vay vốn, huy động vốn trên thị trường chứng khoán hoặc ghi nhận vào tài sản trong sổ sách kế toán. Dù hiện nay, việc định giá TSTT được các tổ chức chuyên môn thực hiện khi có nhu cầu, song vẫn thiếu các hướng dẫn chính thống, đầy đủ và dễ tiếp cận để xác định giá trị TSTT một cách khách quan, toàn diện, phục vụ hiệu quả cho hoạt động khai thác tài chính loại tài sản đặc thù này;

Ngoài ra, cơ chế khai thác tài chính TSTT sau khi được định giá cũng chưa hoàn chỉnh, chưa đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho bên cho vay, bên đi vay và các bên liên quan khác.



Tài sản trí tuệ - nguồn lực phát triển kinh tế. (Ảnh minh họa: nguồn internet)

Khoảng trống pháp lý về khai thác tài chính TSTT trong bối cảnh thực hiện Nghị quyết 68 và một số gợi ý hoàn thiện

Trong 25 năm qua, trên thế giới, giá trị tài sản vô hình đã tăng 13 lần, đạt mức cao nhất mọi thời đại là 80 nghìn tỷ USD vào năm 2024. Giá trị thương hiệu

hàng đầu toàn cầu của 5.000 thương hiệu đã tăng từ 11 nghìn tỷ đô la Mỹ vào năm 2020 lên hơn 13 nghìn tỷ đô la Mỹ vào năm 2024. Kể từ năm 2008, tổng đầu tư vào tài sản vô hình đã liên tục vượt qua tài sản hữu hình. Thương hiệu, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế/giải pháp hữu ích, bí mật kinh doanh và công nghệ, quyền tác giả/quyền liên quan chứ không phải tài sản vật chất quyết định khả năng phát triển của một doanh nghiệp. Mặc dù có ảnh hưởng và tầm quan trọng ngày càng tăng, TSTT vẫn phần lớn vô hình trong thế giới tài chính.

Như đã trình bày ở phần trước, TSTT được xem là một loại tài sản có thể tạo ra giá trị kinh tế cho chủ sở hữu, đồng thời gắn liền với quyền sở hữu đối với các đối tượng đã được quy định trong Luật SHTT hiện hành. Tuy nhiên, việc khai thác TSTT tại Việt Nam hiện nay phần lớn chỉ tập trung vào hỗ trợ hoạt động kinh doanh, thương mại, quản trị nội bộ hoặc xử lý tranh chấp, vi phạm quyền SHTT mà số lượng doanh nghiệp thực sự tận dụng các giá trị này còn khá hạn chế. Nếu chỉ dừng lại ở những hình thức khai thác này, TSTT sẽ chưa phát huy hết tiềm năng vốn có, gây lãng phí nguồn lực.

Thực tế, các doanh nghiệp luôn có nhu cầu tiếp cận nguồn vốn để mở rộng, phát triển, thế nhưng không ít doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc huy động vốn, ảnh hưởng trực tiếp đến cơ hội thành công và tăng trưởng kinh tế. Đơn cử như những công ty hoạt động trong lĩnh vực tư vấn luật, tài chính, quản trị chiến lược..., tài sản hữu hình chủ yếu là văn phòng, trang thiết bị phục vụ vận hành, còn giá trị cốt lõi lại nằm ở các tài sản vô hình như thương hiệu, nhân sự, hệ thống quản trị. Đối với nhóm doanh nghiệp này, việc sử dụng tài sản hữu hình làm thế chấp vay vốn thường gặp giới hạn về giá trị, không đủ đáp ứng nhu cầu phát triển.

Trong khi đó, tài sản vô hình bao gồm uy tín thương hiệu, chất lượng nguồn nhân lực, quy trình quản lý dù có giá trị lớn, lại chưa được định giá đầy đủ, chưa được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán cũng như chưa được chấp nhận để được định giá để sử dụng làm tài sản thế chấp khi vay vốn hoặc kêu gọi đầu tư, chứng khoán hóa TSTT.

Thêm vào đó, vẫn biết thế chấp TSTT là một việc có ý nghĩa thiết thực, nhất là đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa hay những doanh nghiệp khởi nghiệp để có thể vay vốn tại tổ chức tín dụng, song, việc thế chấp loại tài sản này còn gặp nhiều khó khăn trên thực tế vì đây là loại tài sản giao dịch mang tính rủi ro cao hơn thế chấp các tài sản khác bởi (i) khung pháp luật về dùng TSTT làm tài sản thế chấp chưa được hoàn thiện, (ii) chưa có hướng dẫn định giá đối với riêng loại tài sản này, (iii) TSTT là loại tài sản giá trị có thể thay đổi theo thời gian vì hiệu lực có giới hạn và phụ thuộc rất nhiều vào từng thời điểm thay đổi theo

điều kiện kinh tế, thương mại thực tế, (iv) xử lý tài sản thế chấp này khó khăn và bất lợi khi kéo dài việc xử lý vì liên quan đến hiệu lực bảo hộ của các tài sản này…

Để khắc phục những tồn tại kể trên, Việt Nam cần từng bước hoàn thiện khung pháp lý nhằm đảm bảo việc khai thác tài sản trí tuệ diễn ra minh bạch, nhất quán và hiệu quả.

Trước hết, việc xây dựng các hướng dẫn định giá TSTT chi tiết, thống nhất, dễ tiếp cận là vô cùng cần thiết. Điều này sẽ giúp doanh nghiệp và chủ sở hữu TSTT có thể sử dụng rộng rãi trong thực tiễn, đồng thời khuyến khích các cơ quan quản lý thúc đẩy việc dùng TSTT làm tài sản thế chấp.

Bên cạnh đó, việc thiết lập các thị trường hoặc sàn giao dịch TSTT minh bạch là rất cần thiết nhằm công khai và tạo điều kiện thuận lợi cho giao dịch tài sản này. Điều này không chỉ hỗ trợ việc xác định giá trị tài sản làm cơ sở cho các giao dịch tài chính, mà còn giúp các tổ chức tài chính đánh giá tốt hơn về rủi ro và khả năng xử lý tài sản khi cần thiết.

Việc xây dựng một cơ chế riêng cho các công ty bảo hiểm chuyên về TSTT cũng rất quan trọng, bởi bản chất của các khoản vay dựa trên TSTT thường khiến các ngân hàng và tổ chức tín dụng e ngại về khả năng thanh khoản. Khi các công ty bảo hiểm có thể đảm bảo thu hồi một phần giá trị tài sản thế chấp, rủi ro của bên cho vay giảm, đồng thời chi phí vay vốn cho doanh nghiệp cũng được hạ thấp hơn.

Ngoài ra, cần phát triển một hệ sinh thái cho vay dựa trên TSTT đồng bộ và khép kín, bao gồm các cơ quan xác lập quyền sở hữu trí tuệ, tổ chức tài chính, đơn vị định giá và công ty bảo hiểm.

Cuối cùng, nên có các chính sách hỗ trợ đặc biệt cho những ngân hàng thành lập quỹ đầu tư trực tiếp hoặc cung cấp các khoản vay ưu đãi sử dụng TSTT làm tài sản thế chấp, nhằm thúc đẩy hoạt động cho vay dựa trên giá trị trí tuệ trong nền kinh tế.

Tóm lại, việc khai thác tài chính TSTT có ý nghĩa chiến lược đối với quá trình phát triển kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam trong thời đại tri thức, thời đại số và AI phát triển mạnh mẽ. Để hiện thực hóa tiềm năng này, cần sự đồng bộ về khung pháp lý, cơ sở định giá, hệ sinh thái tài chính và các chính sách hỗ trợ cụ thể từ phía Nhà nước và các tổ chức liên quan. Khi những rào cản hiện hữu được tháo gỡ, TSTT sẽ trở thành nguồn lực chủ đạo, mở ra cơ hội tiếp cận vốn hiệu quả, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và tạo

nền tảng vững chắc cho tăng trưởng bền vững. Như vậy, phát triển thị trường và các cơ chế giao dịch minh bạch cho TSTT không chỉ là giải pháp cấp thiết mà còn là động lực quan trọng cho nền kinh tế tri thức của Việt Nam trong tương lai.

Luật sư Dương Thị Vân Anh

Công ty Luật TNHH Vietthink